Petition for Order for Protection – Vulnerable Adult
(Đơn Xin Án Lệnh Bảo Vệ - Người Lớn Yếu Thế)

Download the English version of this document from the Courts website via:
(Tải bản tiếng Anh của tài liệu này từ trang mạng của Tòa:)
http://www.courts.wa.gov/forms/?fa=forms.contribute&formID=70.

Mẫu đơn này được dùng để khởi sự một vụ kiện xin lệnh bảo vệ cho người lớn yếu thế. Đơn này sẽ được:

- Nộp như một hồ sơ tòa án công cộng và khởi sự một vụ án dân sự.
- Tống đạt (đưa tay) tới người mà người lớn yếu thế cần được bảo vệ khỏi tay người đó.
- Tống đạt (đưa tay) tới người lớn yếu thế, nếu quý vị nộp đơn xin bảo vệ thay cho người lớn yếu thế.
- Tống đạt (đưa tay) tới người giám hộ của người lớn yếu thế, nếu có.

Những thông tin trong đơn xin sẽ được tòa dùng để ấn định xem:

- Tòa có thẩm quyền để ban một án lệnh cho người lớn yếu thế hay không.
- Hành vi của bị đơn đối với người lớn yếu thế có đủ tiêu chuẩn định nghĩa pháp lý của sự ruồng bỏ, lạm hành, lợi dụng tài chánh hoặc bỏ mặc hay không.

Đây là một tiến trình hai bậc. Mẫu đơn này được dùng để thỉnh cầu sự bảo vệ tạm thời tức khắc ***và*** sự bảo vệ toàn bộ. Nếu người lớn yếu thế cần sự bảo vệ tức khắc, và tòa thấy có sự khẩn cấp hiện hữu, tòa có thể ban một án lệnh tạm thời có hiệu lực cho tới khi có phiên tòa chính thức, thường là nội trong 14 ngày. Bị đơn và người lớn yếu thế có quyền tham dự phiên tòa chính thức. Trong phiên tòa chính thức này, quan tòa có thể ban một án lệnh có hiệu lực tới năm năm.

Trước ngày tòa chính thức, quý vị phải sắp xếp để tống đạt cho bị đơn với:

- Đơn thỉnh cầu.
- Lệnh tạm thời và giấy thông báo ngày tòa.
- Những tài liệu hoặc giấy khai khác, nếu có, mà đã được trình tòa.

Nếu quý vị nộp đơn thay cho người lớn yếu thế, quý vị ***cũng*** phải sắp xếp để tống đạt cho người lớn yếu thế, và người giám hộ của họ, nếu có, với:

- Đơn thỉnh cầu.
- Lệnh tạm thời và giấy thông báo ngày tòa.
- Những tài liệu hoặc giấy khai khác, nếu có, mà đã được trình tòa.
- Giấy thông báo cho Người Lớn Yếu Thế.

Sự tống đạt có thể được thực hiện bởi cơ quan công lực, một người tống đạt chuyên nghiệp được mướn, hoặc một người trên 18 tuổi mà không phải là một trong những bên kiện. Người hoàn tất việc tống đạt cho bị đơn phải nộp một bản khai chứng thực, một giấy khai, hoặc một giấy chứng nhận sự tống đạt với tòa án nếu không phiên tòa sẽ không tiến hành được.

Xin Viết Chữ In Rõ Ràng bằng Mực Đen hoặc Xanh!

Trang 1:

Đoạn trên của đơn

Điền tên của người lớn yếu thế.

Người mà quý vị muốn được bảo vệ khỏi tay người đó gọi là "Bị Đơn." Điền tên người bị đơn.

Thông tin về Nguyên Đơn (Câu hỏi 1)

Tòa cần phải biết ai là người nộp đơn.

- Nếu quý vị là người lớn yếu thế, xin đánh vào khung thứ nhất.
- Nếu quý vị nộp đơn thay cho một người lớn yếu thế, xin đánh vào khung thứ hai và điền tên quý vị vào. Sau đó đánh vào khung diễn tả sự liên hệ của quý vị với người lớn yếu thế.

Thông tin về Bị Đơn (Câu hỏi 2)

Tòa cần biết mối liên hệ giữa bị đơn và người lớn yếu thế. Đánh vào khung hoặc những khung thích hợp.

Người Lớn Yếu Thế (Câu hỏi 3)

Tòa cần biết người cần sự bảo vệ có đủ tiêu chuẩn định nghĩa pháp lý của "người lớn yếu thế" hay không. Xin đánh vào khung hoặc những khung thích hợp.

Trang 2:

Nơi Cư Trú (Câu hỏi 4)

Đánh vào khung thích hợp.

Địa Chỉ Nhận Sự Tống Đạt (Câu hỏi 5)

Bị đơn và người lớn yếu thế, nếu quý vị nộp đơn thay cho người lớn yếu thế, có quyền được quý vị tống đạt những tài liệu để trả lời cho sự thỉnh cầu này. Quý vị có quyền giữ kín địa chỉ nhà ở của quý vị. Nếu quý vị muốn giữ kín địa chỉ nhà ở của quý vị, quý vị phải kê khai một địa chỉ khác với địa chỉ cư trú của quý vị, để quý vị nhận những tài liệu pháp lý.

Liên Hệ với Người Cần Sự Bảo Vệ (Câu hỏi 6)

Nếu quý vị tự nộp đơn lấy hoặc quý vị nộp đơn với tư cách là một nhân viên của Bộ Xã Hội và Y Tế (DSHS), xin đi tới Câu hỏi 7.

Nếu quý vị nộp đơn thay cho một người yếu thế, xin đánh vào khung thích hợp và cung cấp những thông tin cần thiết.

Người Giám Hộ hoặc Người Đại Diện Pháp Lý (Câu hỏi 7)

Tòa cần biết có ai là hoặc ai tự cho mình là người giám hộ hoặc người đại diện pháp lý cho người lớn yếu thế.

Những Vụ Kiện (Câu hỏi 8)

Đây có thể không phải là vụ kiện đầu tiên liên quan đến người lớn yếu thế và bị đơn. Tòa cần biết về những vụ kiện khác hoặc những lệnh ngăn cấm, lệnh bảo vệ hoặc lệnh cấm liên lạc nào khác để tòa khỏi ban một án lệnh có thể mâu thuẫn với án lệnh của một tòa khác.

Nếu có những vụ kiện khác hoặc những lệnh ngăn cấm, bảo vệ hoặc cấm liên lạc khác liên quan đến quý vị, đến người lớn yếu thế, hoặc bị đơn, xin liệt kê tên vụ kiện (tên của những bên kiện, như là State v. Jones, Adams v. Smith, Về vụ Giám Hộ của Smith), số vụ kiện (nếu quý vị biết), và tòa án nào (sơ thẩm, thị trấn, hoặc thượng thẩm), quận và tiểu bang vào trong những cột thích hợp.

Trang 3:

Yêu Cầu được Bảo Vệ

Người lớn yếu thế có thể cần được những loại bảo vệ khác nhau. Để xin tòa ban án lệnh bảo vệ, xin đánh vào khung ở phần đầu của mỗi sự bảo vệ mà người lớn yếu thế cần.

- Có thể tòa sẽ không ban tất cả những điều quý vị yêu cầu trong một án lệnh tạm thời hoặc một án lệnh toàn bộ.
- Tòa có thể đòi hỏi quý vị đóng một sự bảo chứng trước khi tòa ban một án lệnh tạm thời. (Xin coi chỉ thị VAi-2.015, Án Lệnh Bảo Vệ Tạm Thời và Giấy Thông Báo Phiên Tòa.)

1. Điều đầu tiên yêu cầu tòa ***ngăn cấm*** bị đơn không được làm hoặc hăm làm tác hại thể chất, gây thương tích trên người, hành hung, kể cả hành hung tình dục đối với người lớn yếu thế và không được xúc phạm tình dục, sách nhiễu hoặc rình rập người lớn yếu thế.

2. Điều thứ hai yêu cầu tòa ***ngăn cấm*** bị đơn không được làm hoặc hăm làm những hành động ruồng bỏ, lạm hành, lợi dụng, bỏ mặc, hoặc bóc lột tài chánh người lớn yếu thế.

3. Điều thứ ba yêu cầu tòa ***loại trừ*** bị đơn khỏi nơi cư trú của người lớn yếu thế.

4. Điều thứ tư yêu cầu tòa ***ngăn cấm*** bị đơn không được tới gần hoặc liên lạc gì với người lớn yếu thế, đích thân, hoặc qua những người khác, bằng điện thoại, thư từ, hoặc bất cứ cách nào, trực tiếp hoặc gián tiếp, ngoại trừ qua một luật sư, hoặc qua việc gởi hoặc đưa tay những tài liệu tòa bởi một đệ tam nhân.

5. Điều thứ năm xin tòa ***cấm chỉ*** bị đơn không được có chủ tâm đi tới hoặc có chủ tâm ở lại trong vòng một khoảng cách (thí dụ 100 feet, 2 dãy phố) với nơi cư trú, nơi làm việc, nơi sinh hoạt ban ngày của người lớn yếu thế; hoặc khu vực xung quanh nơi chăm sóc dài hạn mà người lớn yếu thế cư ngụ. Nếu có những nơi nào khác mà quý vị muốn thêm vào, xin viết thêm vào khung có tên "nơi khác."

6. Điều thứ sáu yêu cầu tòa ***đòi hỏi*** bị đơn cung cấp giấy kế toán việc sử dụng lợi tức hoặc những nguồn lợi khác của người lớn yếu thế.

7. Điều thứ bảy yêu cầu tòa ***ngăn cấm*** bị đơn không được chuyển tài sản của người lớn yếu thế trong một thời gian có thể tới 90 ngày.

8. Điều thứ tám yêu cầu tòa ***ngăn cấm*** bị đơn không được chuyển tài sản của bị đơn trong một thời gian có thể tới 90 ngày.

9. Điều thứ chín yêu cầu tòa ***đòi hỏi*** bị đơn trả lệ phí nộp đơn, tổn phí tòa, kể cả lệ phí tống đạt, và những tổn phí kiện tụng, kể cả thù lao luật sư.

10. "Điều khác." Xin liệt kê tất cả những điều khác mà quý vị muốn tòa duyệt xét.

Trang 4:

Yêu Cầu Trợ Giúp Đặc Biệt bởi những Cơ Quan Công Lực

Quý vị có thể cần sự giúp đỡ đặc biệt của cảnh sát. Xin kể cho tòa biết quý vị cần sự giúp đỡ gì. Thí dụ:

- Quý vị có muốn cảnh sát giúp người lớn yếu thế trở vào nhà của mình?

Trang 5 và 6:

Bản Khai của Nguyên Đơn

Bản khai của nguyên đơn có mục đích diễn tả cho tòa tại sao cần có một án lệnh bảo vệ. Tài liệu này sẽ được nộp vào hồ sơ tòa là hồ sơ công cộng và phải được tống đạt cho bị đơn và người lớn yếu thế, nếu người này không phải là nguyên đơn. Nếu quý vị không ghi một sự kiện rõ rệt về sự ruồng bỏ, lạm hành tình dục, lạm hành thể chất, bóc lột, bỏ mặc, và/hoặc bóc lột tài chánh đối với người lớn yếu thế, quý vị có thể sẽ không có cơ hội để kể cho tòa biết trong phiên tòa.

Thứ nhất, xin đọc định nghĩa của sự ruồng bỏ, lạm hành tình dục, lạm hành thể chất, bóc lột, bỏ mặc, và/hoặc bóc lột tài chánh đối với một người lớn yếu thế trong khung ở trên bản khai. Sau đó, xin đọc suốt bản khai trước khi bắt đầu viết. Có những lời nhắc để giúp quý vị xếp đặt tư tưởng.

Xin diễn tả một cách chính xác chuyện gì xảy ra cho người yếu thế. Quý vị càng cung cấp được nhiều những chi tiết như là ngày và giờ, thì điều đó càng giúp quan tòa. Nếu có thể, xin liệt kê vài thí dụ. Nếu có sự khẩn cấp, xin giải thích sự khẩn cấp để tòa ban một án lệnh tạm thời ngay lập tức trước khi có phiên tòa. Cộng với những thông tin đòi hỏi trong bản khai, quý vị cũng có thể kể thêm:

- Nếu bị đơn đã hại những người khác.
- Nếu bị đơn đã bị bắt.
- Nếu cảnh sát có liên quan đến dù không có sự bắt giữ.
- Nếu người lớn yếu thế bị rình rập, xin diễn tả cách bị theo dõi.

Thí dụ:

Nói "Vào ngày chủ nhật 12 tháng giêng, lúc 2:00 giờ sáng., Terry tát vào mặt [người lớn yếu thế]" tốt hơn là nói "Vào ngày chủ nhật Terry hành hung [người lớn yếu thế]."

Nói "Terry ăn cắp tiền thuê nhà của [người lớn yếu thế] để mua ma túy bất hợp pháp." tốt hơn là nói "Terry lấy tiền của [người lớn yếu thế]."

Nói "Terry nói với [người lớn yếu thế] 'Tao sẽ không chăm lo cho mày nữa nếu mày không cho tao nhà và tiền,' " tốt hơn là nói "Terry hăm dọa [người lớn yếu thế]."

Tìm cách dùng chính những chữ bị đơn dùng.

Nếu có những thông tin đòi hỏi không áp dụng, xin viết, "không áp dụng" cho đoạn đó.

Giấy Thông Báo xin Trợ Cứu Tạm Thời

Ngoại trừ trường hợp khẩn cấp, quý vị phải cung cấp giấy thông báo trước khi quý vị được một án lệnh tạm thời. Giấy thông báo phải được cung cấp cho bị đơn, người lớn yếu thế và người giám hộ của người này. Ít nhất, giấy thông báo phải có ngày, giờ, và địa điểm mà quý vị dự định xin quan tòa ban một án lệnh tạm thời.

Tuy nhiên nếu quý vị tin là có sự khẩn cấp hoặc quý vị không thể cung cấp giấy thông báo trước được, quý vị phải giải thích trong bản khai của quý vị:

- Tại sao người lớn yếu thế sẽ bị thương tổn, mất mát, hoặc thiệt hại tức khắc và không thể phục hồi được; hoặc
- Tại sao không tống đạt được cho bị đơn và người lớn yếu thế;
- Những sự cố gắng để tống đạt cho họ; và
- Những lý do tại sao sự thông báo trước không cần thiết.

Tống Đạt Ra Ngoài Tiểu Bang

Nếu bị đơn hoặc người lớn yếu thế, trong trường hợp quý vị nộp thay cho người lớn yếu thế, không thể được tống đạt tận tay ở tiểu bang Washington, xin đánh vào khung. Chú ý: Bị đơn hoặc người lớn yếu thế, trong trường hợp quý vị nộp thay cho người lớn yếu thế, vẫn phải được tống đạt tận tay, trừ khi tòa ra lệnh ngược lại.

Ký Mẫu Đơn

Khi quý vị viết bản khai xong, xin đề ngày vào hàng đề ngày và viết vào thành phố nơi quý vị hoàn tất mẫu đơn này. Ký mẫu đơn.

Tiếp theo đây là mẫu đơn Xin Án Lệnh Bảo Vệ –Người Lớn Yếu Thế:

Notice: You must complete this form in English.
(Chú Ý: Quý vị phải điền đơn này bằng tiếng Anh.)

Superior Court of Washington
For_____ County
(Tòa Thượng Thẩm Tiểu Bang Washington Cho Quận _____)

In re the Matter of:
(Về Vụ của)

_____
a Vulnerable Adult (Person to be Protected)
(Người Lớn Yếu Thế (Người cần được Bảo Vệ))

_____
Respondent (Person to be restrained)
(Bị Đơn (Người cần bị Ngăn Cấm))

No. _____
(Số)
Petition for Vulnerable Adult Order for Protection
(Đơn Xin Án Lệnh Bảo Vệ Người Lớn Yếu Thế)
(PTORVA)

1. Identification of Petitioner:
(Danh tánh của Nguyên đơn:)
My name is (please print)
(Tên tôi là (xin viết chữ in))
_____.

☐ I am a vulnerable adult filing on my own behalf.
(Tôi là một người lớn yếu thế tự nộp đơn.)

☐ I am filing on behalf of a vulnerable adult, and (select one of the options below):
(Tôi nộp đơn thay cho một người lớn yếu thế, và (lựa một trong những điều dưới đây))

- ☐ I am the vulnerable adult's guardian or legal fiduciary
(Tôi là người giám hộ hoặc người đại diện pháp lý cho người lớn yếu thế)
- ☐ I am an interested person.
(Tôi là người có quan tâm về vụ này.)

☐ DSHS petitions on behalf of the vulnerable adult who:
(DSHS nộp đơn thay cho người lớn yếu thế mà)

2. Respondent's relationship to the vulnerable adult is (check all that apply):
(Sự liên hệ của bị đơn với người lớn yếu thế là: (đánh vào tất cả những điều thích hợp))

☐ Spouse or former spouse.
(Phối ngẫu hoặc phối ngẫu cũ.)

☐ Parent of a common child.
(Phụ huynh của một đứa con chung.)

☐ Current or former cohabitant as intimate partner.
(Người sống chung hiện thời hoặc trước đây mà có liên hệ tình cảm.)

☐ Other Family Member (describe):
(Thành viên khác trong gia đình (định rõ):)
_____.

☐ Care Provider. (Người Chăm Sóc.)
☐ Guardian. (Người Giám Hộ.)
☐ Trustee. (Người Thụ Thác.)
☐ Payee. (Chủ Nợ.)

☐ Has consented to this petition. (Đã đồng ý với giấy thỉnh cầu này.) ☐ Lacks the capacity or ability to consent to this petition. (Không đủ năng lực hoặc khả năng nhận thức để đồng ý với giấy thỉnh cầu này.)	☐ Power of Attorney. (Người được Ủy Quyền.) ☐ Other: _____. (Điều khác)

3. The vulnerable adult (check all that apply):
(Người yếu thế: (đánh vào tất cả những điều thích hợp))

☐ Is over 60 years old and does not have the functional, mental, or physical ability to care for himself or herself. (Trên 60 tuổi và không có khả năng thực dụng, tinh thần và vật chất để tự chăm sóc.) ☐ Was found incapacitated under chapter 11.88 RCW. (Được ấn định là mất năng lực theo chương 11.88 RCW.) ☐ Has a developmental disability as defined in RCW 71A.10.020. (Có khuyết tật về phát triển như theo định nghĩa trong RCW 71A.10.020.)	☐ Is receiving services from a compensated personal aide who provides at-home care for the vulnerable adult at his or her direction. (Đang nhận dịch vụ của một người phục dịch có lương, chăm sóc tại gia cho người yếu thế dưới sự hướng dẫn của người này.) ☐ Is receiving services from a home health, hospice, or home care agency licensed or required to be licensed. (Đang nhận dịch vụ của một nhà y tế, nhà tế bần, hoặc một cơ quan chăm sóc có giấy phép hoặc phải có giấy phép.)	☐ Is receiving in-home services from an individual provider under contract with DSHS. (Đang nhận dịch vụ tại gia của một người phục dịch có hợp đồng với DSHS.) ☐ Has been admitted to a boarding home, nursing home, adult family home, soldiers' home, residential habilitation center or any other facility licensed by DSHS. (Đã được nhận vào một nhà trọ, nhà dưỡng lão, nhà chung sống cho người lớn, nhà cho lính, trung tâm gia cư phục hồi hoặc những nơi tiện nghi khác có giấy phép của DSHS.)

4. ☐ The vulnerable adult lives in this county. ***Or*** ☐ This is the county of the vulnerable adult's new or former residence and he or she left or was removed from his or her previous residence as a result of, or to prevent, abandonment, abuse, financial exploitation or neglect.
(☐ Người lớn yếu thế sống trong quận này. ***Hoặc*** ☐ đây là quận của nơi cư trú mới hoặc cũ của người lớn yếu thế và người này đã bỏ đi hoặc bị rời khỏi nơi cư trú trước vì, hoặc để tránh, sự ruồng bỏ, lạm hành, lợi dụng tài chánh hoặc sự bỏ mặc.)

5. My address for receiving legal documents is:_____.
(If you wish to keep your residential address **confidential**, you may list an alternate address.)
(Địa chỉ của tôi để nhận những tài liệu pháp lý là:_____.
(Nếu quý vị muốn **giữ kín** địa chỉ cư trú của mình, quý vị có thể ghi một địa chỉ thay thế.))

6. My relationship to the vulnerable adult and authority to act:
(Sự liên hệ giữa tôi và người lớn yếu thế và thẩm quyền hành sự)
(If you are filing on your own behalf, or if you are filing as DSHS, go to paragraph 7.)
(Nếu quý vị tự nộp đơn, hoặc nếu quý vị nộp đơn với tư cách DSHS, xin đi tới đoạn 7.)

☐ I am the vulnerable adult's guardian. I was appointed in _____ County, State of _____, Cause No: _____ on or about _____ (date). (Attach a copy of your letters or order appointing guardian, if available.)
(Tôi là người giám hộ của người lớn yếu thế. Tôi được bổ nhiệm tại Quận _____, Tiểu bang _____, Vụ kiện Số: _____ vào hoặc khoảng _____ (ngày). (Đính kèm bản sao lá thư hoặc án lệnh bổ nhiệm giám hộ, nếu quý vị có.))

☐ I am the vulnerable adult's legal fiduciary. I was appointed ☐ trustee ☐ power of attorney on or about_____ (date). (Attach a copy of your relevant documents, if available.)

(Tôi là người đại diện pháp lý cho người lớn yếu thế. Tôi được chỉ định là ☐người thụ thác ☐người được ủy quyền vào hoặc khoảng _____ (ngày) (Xin đính kèm những tài liệu liên hệ, nếu có.))

☐ I am interested in the welfare of the vulnerable adult. I have a good faith belief that the court's intervention is necessary and that the vulnerable adult is unable at this time to protect his or her own interests, due to incapacity, undue influence, or duress.

(Tôi quan tâm đến sự an sinh của người lớn yếu thế. Tôi tin tưởng một cách thành thật rằng sự can thiệp của tòa án là một sự cần thiết và hiện thời, người lớn yếu thế không thể tự bảo vệ những quyền lợi của mình vì bị mất năng lực, bị ảnh hưởng thái quá, hoặc bị cưỡng ép.)

Describe the length and nature of your relationship to the vulnerable adult:
(Xin mô tả thời gian và bản chất của mối liên hệ giữa quý vị và người lớn yếu thế)

_____
_____
_____
_____.

Describe the incapacity, undue influence, or duress that makes the vulnerable adult unable to protect his or her own interests:

(Xin mô tả sự mất năng lực, việc ảnh hưởng thái quá, hoặc sự cưỡng ép làm cho người lớn yếu thế không thể bảo vệ được những quyền lợi của mình:)

_____
_____
_____
_____.

7. Do you know of any person who is or claims to be the guardian or legal fiduciary (such as, trustee, payee, power of attorney) of the vulnerable adult? ☐ no ☐ yes. Provide name and address:

(Quý vị có biết người nào là hoặc tự cho mình là người giám hộ hoặc là đại diện pháp lý (như là người thụ thác, người chủ nợ, người được ủy quyền) của người yếu thế? ☐có ☐không. Xin cho biết tên và địa chỉ người đó:)

_____
_____.

8. Other court cases or other restraining, protection or no-contact orders involving the petitioner, the vulnerable adult or the respondent:

(Những vụ kiện hoặc những án lệnh ngăn cấm, bảo vệ và cấm liên lạc khác liên quan đến nguyên đơn, người lớn yếu thế hoặc bị đơn:)

Case Name (Tên Vụ Kiện)	***Case Number (Số Vụ Kiện)***	***Court/County (Tòa án/Quận)***

I Request a Vulnerable Adult Protection Order that will grant the relief requested below:
(**Tôi Yêu Cầu một Án Lệnh Bảo Vệ Người Lớn Yếu Thế** để được ban sự cứu trợ yêu cầu dưới đây)

☐ [1] ***Restrain*** the respondent from committing or threatening to commit physical harm, bodily injury, assault, including sexual assault, against the vulnerable adult and from molesting, harassing, or stalking the vulnerable adult.

(***Ngăn Cấm*** bị đơn không được làm hoặc hăm làm hại thân thể, gây thương tích, hành hung, kể cả hành hung tình dục, đối với thành niên cô thế và không được xúc phạm tình dục, sách nhiễu, hoặc rình rập người lớn yếu thế.)

(If the court orders this relief after a hearing, and the respondent is the vulnerable adult's spouse or former spouse, the parent of a common child, a current or former cohabitant as intimate partner, the respondent will be prohibited from possessing a firearm or ammunition under federal law for the duration of this order. An exception exists for law enforcement officers and military personnel when carrrying department/government-issued firearms. 18 U.S.C. § 925(a)(1).
(Nếu quan tòa ban sự cứu trợ này sau một phiên tòa, và bị đơn là phối ngẫu hoặc phối ngẫu cũ của người lớn yếu thế hoặc là phụ huynh của một đứa con chung, là người sống chung hiện thời hoặc trước đây mà có liên hệ tình cảm, người bị đơn bị cấm không được có súng hoặc đạn, dựa theo luật liên bang cho thời gian lệnh này có hiệu lực. Một ngoại lệ áp dụng cho nhân viên công lực và quân nhân khi họ mang súng phát bởi cơ quan/chính quyền. 18 U.S.C. § 925(a)(1).)

☐ [2] ***Restrain*** the respondent from committing or threatening to commit acts of abandonment, abuse, exploitation, neglect, or financial exploitation against the vulnerable adult.

(***Ngăn Cấm*** bị đơn không được làm hoặc hăm làm những hành động ruồng bỏ, lạm hành, bóc lột, bỏ mặc, hoặc bóc lột tài chánh đối với người lớn yếu thế.)

☐ [3] ***Exclude*** the respondent from the vulnerable adult's residence.

(***Loại trừ*** bị đơn khỏi nơi cư trú của người lớn yếu thế.)

☐ [4] ***Restrain*** the respondent from coming near and from having any contact with the vulnerable adult, in person or through others, by phone, mail, or any means, directly or indirectly, except through an attorney, or mailing or delivery by a third party of court documents.

(***Ngăn Cấm*** bị đơn không được tới gần hoặc liên lạc gì với người yếu thế, đích thân hoặc qua những người khác, bằng điện thoại, thư từ, hoặc bất cứ cách nào, trực tiếp hoặc gián tiếp, ngoại trừ qua một luật sư, hoặc gởi hoặc đưa tay những tài liệu tòa án bởi một đệ tam nhân.)

☐ [5] ***Prohibit*** the respondent from knowingly coming within, or knowingly remaining within _____ (distance) of the vulnerable adult's ☐ residence ☐ workplace ☐ adult day program; ☐ the premises of the long-term care facility where the vulnerable adult resides.

(***Cấm Chỉ*** bị đơn không được có chủ tâm đi tới hoặc có chủ tâm ở lại nội trong _____(khoảng cách) của ☐nơi cư trú ☐nơi làm việc ☐nơi sinh hoạt ban ngày của người yếu thế ☐những khu vực xung quanh nơi chăm sóc dài hạn mà người lớn yếu thế cư ngụ.)

☐ other:
(điều khác:)

☐ [6] ***Require*** the respondent to provide an accounting of the disposition of the vulnerable adult's income or other resources.

(***Đòi Hỏi*** bị đơn cung cấp giấy kế toán việc sử dụng lợi tức và những nguồn lợi khác của người lớn yếu thế.)

☐ [7] ***Restrain*** the respondent from transferring the vulnerable adult's property for up to 90 Days.

(***Ngăn cấm*** bị đơn không được chuyển tài sản của người lớn yếu thế trong một thời gian có thể tới 90 ngày.)

☐	[8] ***Restrain*** the respondent from transferring respondent's property for up to 90 Days. (***Ngăn cấm*** bị đơn không được chuyển tài sản của bị đơn trong một thời gian có thể tới 90 ngày.)
☐	[9] ***Require*** the respondent to pay a filing fee, the court costs, including service fees, and costs incurred in bringing this action, including attorney's fees. (***Đòi hỏi*** bị đơn trả lệ phí nộp đơn, tổn phí tòa, kể cả lệ phí tống đạt, và những tổn phí kiện tụng kể cả thù lao luật sư.)
☐	[10] ***Other:*** (***Điều khác:)***
Request for a Temporary Vulnerable Adult Protection Order: ***An Emergency Exists*** as described in the statement below. The vulnerable adult needs a temporary order issued immediately, without prior notice to the respondent, that grants the relief requested above. (**Yêu cầu một Án Lệnh Bảo Vệ Tạm Thời Cho Người Yếu Thế:** ***Một Sự Khẩn Cấp Có Hiện Hữu*** như được mô tả trong bản khai dưới đây. Người lớn yếu thế cần một lệnh bảo vệ tạm thời ngay lập tức để được ban sự cứu trợ yêu cầu ở trên mà không phải thông báo trước cho bị đơn.)	

Request for Special Assistance From Law Enforcement Agencies:
(Yêu Cầu Trợ Giúp Đặc Biệt bởi những Cơ Quan Công Lực)

I request the court order the appropriate law enforcement agency to assist the vulnerable adult in obtaining:
(Tôi yêu cầu tòa ra lệnh cơ quan công lực thích nghi trợ giúp người lớn yếu thế để thu thập:)

_____

_____

_____.

A **Vulnerable Adult protection order** is available to protect a vulnerable adult from abandonment, abuse, financial exploitation or neglect.
(Một **án lệnh bảo vệ Người Lớn Yếu Thế** được dùng để bảo vệ người lớn yếu thế khỏi bị ruồng bỏ, bị lạm hành, bị bóc lột tài chánh hoặc bị bỏ mặc.)

"Abandonment" means action or inaction by a person or entity with a duty of care for a vulnerable adult that leaves the vulnerable person without the means or ability to obtain necessary food, clothing, shelter, or health care.

("**Sự Ruồng Bỏ"** là hành động hoặc sự bất hành động của một người hoặc một thực thể có trách nhiệm chăm sóc một người lớn yếu thế nhưng lại phó mặc người lớn yếu thế không có thức ăn, quần áo, nơi trú ngụ, hoặc sự chăm sóc y tế cần thiết.)

"Abuse" means the willful action or inaction that inflicts injury, unreasonable confinement, intimidation, or punishment on a vulnerable adult. In instances of abuse of a vulnerable adult who is unable to express or demonstrate physical harm, pain, or mental anguish, the abuse is presumed to cause physical harm, pain, or mental anguish. Abuse includes sexual abuse, mental abuse, physical abuse, and exploitation of a vulnerable adult, which have the following meanings:

(**"Sự Lạm Hành"** là hành động hoặc sự bất hành động cố ý gây ra thương tích, giam giữ bất hợp lý, hăm dọa, hoặc trừng phạt người lớn yếu thế. Trong những trường hợp lạm hành người lớn yếu thế mà người này không bày tỏ được hoặc diễn tả được sự tác hại thể chất, sự đau đớn, hoặc tác hại tinh thần, sự lạm hành được gián tiếp coi là gây ra sự tác

hại thể chất, sự đau đớn, hoặc tác hại tinh thần. Sự lạm hành bao gồm lạm hành tình dục, lạm hành tinh thần, lạm hành thể chất, và bóc lột một người lớn yếu thế, với những định nghĩa sau đây)

(a) **"Sexual abuse"** means any form of nonconsensual sexual contact, including but not limited to unwanted or inappropriate touching, rape, sodomy, sexual coercion, sexually explicit photographing, and sexual harassment. Sexual abuse includes any sexual contact between a staff person, who is not also a resident or client, of a facility or a staff person of a program authorized under chapter 71A 12 RCW, and a vulnerable adult living in that facility or receiving service from a program authorized under chapter 71A 12 RCW, whether or not it is consensual.

(**"Sự lạm hành tình dục"** là bất cứ sự đụng chạm không ưng thuận nào về tình dục, kể cả nhưng không chỉ giới hạn với sự rờ mó ngoài ý muốn và không thích hợp, sự hiếp dâm, sự kê gian, sự cưỡng ép tình dục, sự chụp hình tình dục lộ liễu, và sách nhiễu tình dục. Sự lạm hành tình dục bao gồm bất cứ sự đụng chạm tình dục nào giữa một nhân viên của một cơ sở tiện nghi, mà người này không đồng là cư dân hoặc thân chủ, hoặc một nhân viên của một chương trình theo chương 71A 12 RCW, và một người lớn yếu thế sống trong cơ sở tiện nghi đó hoặc nhận dịch vụ từ một chương trình theo chương 71A.12 RCW, dù là có sự ưng thuận hay không.)

(b) **"Physical abuse"** means the willful action of inflicting bodily injury or physical mistreatment. Physical abuse includes, but is not limited to, striking with or without an object, slapping, pinching, choking, kicking, shoving, prodding, or the use of chemical restraints or physical restraints unless the restraints are consistent with licensing requirements, and includes restraints that are otherwise being used inappropriately.

(**"Sự lạm hành thể chất"** là hành động cố ý gây ra thương tích trên người hoặc ngược đãi về thể chất. Sự lạm hành thể chất bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn với việc đánh bằng hoặc không bằng một đồ vật, tát, nhéo, bóp cổ, đá, đẩy, thọc, hoặc sự kềm chế bằng chất hóa học hoặc sự kềm chế thể chất ngoại trừ sự kềm chế này phù hợp với tiêu chuẩn giấy phép hành nghề, và cũng bao gồm những sự kềm chế được dùng không thích nghi.)

(c) **"Mental abuse"** means any willful action or inaction of mental or verbal abuse. Mental abuse includes, but is not limited to, coercion, harassment, inappropriately isolating a vulnerable adult from family, friends, or regular activity, and verbal assault that includes ridiculing, intimidating, yelling, or swearing.

(**"Sự lạm hành tinh thần"**là bất cứ hành động hoặc sự bất hành động cố ý nào của sự lạm hành tinh thần và lạm hành bằng lời nói. Sự lạm hành tinh thần bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn với sự cưỡng bách, sự sách nhiễu, sự cô lập hoá một cách không thích đáng một người lớn yếu thế với gia đình, bạn bè của người đó, hoặc với những sinh hoạt thường lệ, và sự hành hung bằng lời nói trong đó có sự chế diễu, sự hăm dọa, sự la hét, hoặc sự chửi thề.)

(d) **"Exploitation"** means an act of forcing, compelling, or exerting undue influence over a vulnerable adult causing the vulnerable adult to act in a way that is inconsistent with relevant past behavior, or causing the vulnerable adult to perform service for the benefit of another.

(**"Sự bóc lột"** là một hành động ép buộc, đòi hỏi, hoặc đặt ảnh hưởng thái quá với một người cô thế để khiến cho người lớn yếu thế hành động theo một cách không phù hợp với những hành vi hợp lý trong quá khứ, hoặc khiến cho người lớn yếu thế có hành động làm lợi cho một người khác.)

"Financial exploitation" means the illegal or improper use of the property, income, resources, or trust funds of the vulnerable adult by any person for any person's profit or advantage.

(**"Sự bóc lột tài chánh"**là sự sử dụng tài sản, lợi tức, những nguồn lợi, hoặc quỹ tín thác của người lớn yếu thế bởi bất cứ người nào để làm lợi hoặc gây ưu thế cho bất cứ người nào khác.)

"Neglect" means (a) a pattern of conduct or inaction by a person or entity with a duty of care that fails to provide the goods and services that maintain physical or mental health of a vulnerable adult, or that fails to avoid or prevent physical or mental harm or pain to a vulnerable adult; or (b) an act or omission that demonstrates a serious disregard of consequences of such a magnitude as to constitute a clear and present danger to the vulnerable adult's health, welfare, or safety, including but not limited to conduct prohibited under RCW 9A.42.100.

(**"Sự bỏ mặc"** là (a) một mẫu hành động hoặc bất hành động của một người hoặc thực thể có trách nhiệm chăm sóc mà không cấp hàng hóa và dịch vụ để duy trì sức khỏe vật chất và tinh thần của người lớn yếu thế, hoặc không tránh hoặc ngăn ngừa sự tổn thương hoặc đau đớn về thể chất hoặc tâm thần của một người lớn yếu thế; hoặc (b) một hành động hoặc thiếu hành động chứng tỏ một sự không quan tâm đến những hậu quả lớn lao đến độ gây ra một sự nguy hiểm rõ rệt và hiện hữu cho sức khỏe, sự an sinh, hoặc sự an toàn của người lớn yếu thế, kể cả nhưng không chỉ giới hạn với những hành vi bị cấm bởi luật RCW 9A 42.100)

Statement: The respondent has committed or threatened to commit acts of abandonment, sexual abuse, mental abuse, physical abuse, exploitation, neglect, and/or financial exploitation as follows.

(***Lời khai:*** Bị đơn đã làm hoặc hăm làm những hành động ruồng bỏ, lạm hành tình dục, lạm hành tinh thần, lạm hành thể chất, bóc lột, bỏ mặc, và/hoặc bóc lột tài chánh như sau:

Describe the most recent incidents or threats of abandonment, sexual abuse, mental abuse, physical abuse, exploitation, neglect, and/or financial exploitation and date (***describe specific incidents or threats and the approximate dates***):

(Mô tả những sự kiện hoặc những sự hăm dọa ruồng bỏ, lạm hành tình dục, lạm hành tinh thần, lạm hành thể chất, bóc lột, bỏ mặc, và/hoặc bóc lột tài chánh mới đây nhất và ngày tháng (***mô tả những sự kiện hoặc những sự hăm dọa rõ rệt và ngày tháng phỏng chừng:***)

_____
_____
_____
_____
_____
_____
_____
_____
_____
_____
_____
_____
_____
_____
_____
_____
_____.

Describe past threats or incidents of abandonment, sexual abuse, mental abuse, physical abuse, exploitation, neglect, and/or financial exploitation (***describe specific incidents or threats and their approximate dates***):

(Mô tả những sự hăm dọa hoặc những sự kiện ruồng bỏ, lạm hành tình dục, lạm hành tình thần, lạm hành thể chất, bóc lột, bỏ mặc, và/hoặc bóc lột tài chánh trong quá khứ (***mô tả những sự kiện hoặc những sự hăm dọa rõ rệt và những ngày tháng phỏng chừng***:)

_____
_____
_____
_____
_____
_____
_____
_____
_____
_____
_____

_____
_____
_____
_____
_____
_____.

Does the respondent use firearms, weapons or objects to threaten or harm the vulnerable adult? Please describe:

(Bị đơn có dùng súng, vũ khí hoặc những đồ vật để hăm dọa hoặc gây tác hại người lớn yếu thế hay không? Xin mô tả:)

_____
_____
_____.

Explain any additional reasons why this order should be issued immediately. List any immediate and irreparable injury, loss, or damage that would result to the vulnerable adult before the respondent or vulnerable adult can be served and heard:

(Giải thích những lý do nào khác để xin án lệnh này được ban ngay lập tức. Liệt kê thương tích, mất mát, hoặc thiệt hại tức thời và không phục hồi được có thể xảy ra cho người lớn yếu thế trước khi bị đơn hoặc người lớn yếu thế được tống đạt và trình với tòa:)

_____
_____
_____
_____
_____
_____
_____
_____
_____
_____
_____
_____.

Efforts to give notice: Did you make efforts to give notice of your request for temporary relief to ☐ respondent ☐ vulnerable adult? If so, describe how and when notice was given. If no notice was given, explain why not:

(***Những cố gắng để đưa giấy thông báo:*** Quý vị có cố gắng đưa giấy thông báo sự yêu cầu lệnh tạm thời cho ☐ bị đơn ☐ người lớn yếu thế hay không? Nếu có, mô tả giấy thông báo được đưa thế nào và lúc nào. Nếu không đưa giấy thông báo, xin giải thích tại sao:)

_____
_____
_____
_____
_____
_____
_____.

Other: _____
(Điều khác) _____
_____
_____.

(Continue on separate page if necessary)
(Tiếp tục ở trang khác nếu cần thiết)

☐ Personal service cannot be made upon Respondent within the state of Washington.
(Sự tống đạt cá nhân cho bị đơn không thể thực hiện được nội trong tiểu bang Washington.)

You could be required to post a bond or provide alternate security as a condition for obtaining a temporary order. The court may waive the bond in situations in which the vulnerable adult's health or life would be jeopardized. RCW 7.40.080, 74.34.120(5)(a).
(***Quý vị có thể phải trả tiền bảo chứng hoặc đưa một sự bảo đảm khác như một điều kiện để có một án lệnh tạm thời. Tòa có thể miễn bảo chứng trong trường hợp sức khỏe hoặc tính mạng của người lớn yếu thế bị nguy hiểm. RCW 7.40.080. 74.34.120(5)(a).***)

I certify under penalty of perjury under the laws of the state of Washington that the foregoing is true and correct.
(Tôi xác nhận, chiếu theo hình phạt tội khai gian của luật tiểu bang Washington, những điều ghi ở trên là đúng và chính xác.)

Dated _____ at _____, Washington.
(Ngày) (tại) (Washington)

_____ _____
Signature of Petitioner Print Name
(Chữ ký của Nguyên Đơn) (In Tên)